

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST.

Ngày 21- 02 - 2025

V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY - TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Lâm.

2. Ông Đoàn Hồng Canh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham
gia phiên tòa: Ông Đinh Tiến Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện
Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
102/2024/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia
đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày
07 tháng 01 năm 2025; Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 10 tháng
02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Quốc T**, sinh năm: 1968 (Có đơn xin xét xử vắng
mặt)

Địa chỉ: Khu 1x, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 1x, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn
ông Trần Quốc T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Thuỷ ngày
23/11/1990, hôn nhân có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã
Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, ông bà sống chung, tình
cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2014 thì vợ chồng phát
sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống tính đến nay là hơn 10 năm, nguyên nhân

là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Năm 2022, ông đã đến Tòa án nộp đơn ly hôn, nhưng sau đó bà Th đã hứa sẽ thay đổi bản thân nên ông xin rút đơn về. Tuy nhiên sau khi ông rút đơn về được một thời gian ngắn, vợ chồng ông bà lại phát sinh thêm nhiều mâu thuẫn mà không thể hoà giải được. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông và bà Th không thể tiếp tục chung sống. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Ông và bà Th có 02 con chung là Trần Thanh N, sinh năm 1992 và Trần Thị Y, sinh năm 1994. Hiện nay hai con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Ông tự thoả thuận giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Quốc T kết hôn ngày 23/11/1990, hôn nhân có sự tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn ông bà sống chung, tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc. Trong thời gian chung sống, ông T đã nhiều lần ngoại tình nhưng bà đều tha thứ, nay ông T kiên quyết làm đơn ly hôn, bà cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn bà nhất trí ly hôn tuy nhiên ông T phải giải quyết nợ chung của vợ chồng tại ngân hàng thì bà mới đồng ý ly hôn. Tại biên bản hòa giải ngày 18/12/2024 bà Th thay đổi quan điểm, bà không đồng ý ly hôn vì bà không làm gì có lỗi, không chửi bới gì ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Trần Thanh N, sinh năm 1992 và Trần Thị Y, sinh năm 1994. Hiện nay hai con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Bà và ông T có tài sản là nhà và đất ở tại khu 1x, xã Đ, huyện Thanh Th và khoản nợ chung tại Ngân hàng. Bà không đề nghị Tòa án giải quyết mà đề nghị ông T phải trả toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng.

Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:

+ **Về thủ tục tố tụng:** Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của

những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Trần Quốc T được ly hôn bà Nguyễn Thị Thủy.

- Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Trần Quốc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Th, xác định đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Th có nơi cư trú tại xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Th được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự, là phù hợp với quy định pháp luật.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị Th kết hôn với nhau ngày 23/11/1990, việc kết hôn là tự nguyện và đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay ông T đề nghị ly hôn, bà Th cũng nhất trí ly hôn nhưng ông T phải trả hết nợ chung của hai vợ chồng tại Ngân hàng thì bà mới đồng ý ly hôn. Tại biên bản hòa giải ngày 18/12/2024 bà Th thay đổi quan điểm không nhất trí ly hôn do bà không làm gì có lỗi. Tại biên bản hòa giải này, sau khi trình bày quan điểm xong, bà Th không ký tên vào biên bản, điều này thể hiện việc bà Th không có thiện chí hòa giải, trên thực tế bà Th cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông T

bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn. Việc bà Th không đồng ý ly hôn với những lý do khác nhau chỉ nhằm kéo dài cuộc hôn nhân không tồn tại.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà Th đã trầm trọng, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, xử cho ông Trần Quốc T được ly hôn bà Nguyễn Thị Th là phù hợp.

[2] Về con chung: Ông T và bà Th có 02 con chung là Trần Thanh N, sinh năm 1992 và Trần Thị Y, sinh năm 1994. Hiện nay hai con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Ông T không đề nghị Tòa án giải quyết; bà Th đề nghị ông T tự giải quyết về nợ chung của vợ chồng nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4, Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Trần Quốc T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung: Ông T và bà Thuỷ có 02 con chung là Trần Thanh N, sinh năm 1992 và Trần Thị Y, sinh năm 1994. Hiện nay con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Ông T và bà Thuỷ không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Ông Trần Quốc T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông T đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0003884 ngày 02/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Chi cục THADS huyện Thanh Thủy;
- UBND xã Đ, huyện Thanh Thủy
(Nơi ĐKKH)
- Các đương sự;
- Lưu HS-VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thanh Hoa